TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 18 – 11 – 2019
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Tính

2. Bà Hà Thị Linh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên toà: Ông Lê Trần Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường B – Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2019/QĐST – HNGĐ ngày 07/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích Tr, sinh năm: 1991; Địa chỉ cư trú: Số nhà 167/1, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1990; Địa chỉ cư trú: Số nhà H2/056 ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị N; Địa chỉ cư trú: Số nhà H2/056 ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 5 năm 2019, bản tự khai ngày 24/5/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Tr trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L quen biết tìm hiểu nhau rồi tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn theo quy định và ngày 05/12/2011 được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 237,

quyển số 01/2011. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L vô cớ đánh đập, xúc phạm chị. Chị về nhà mẹ đẻ sinh sống nhưng anh L vẫn tiếp tục lên nhà mẹ chị xúc phạm, đánh đập chị, thậm chí còn đe dọa đốt nhà mẹ chị. Từ năm 2013 đến nay, anh chị không còn chung sống, thời gian không chung sống thì không có biện pháp gì hàn gắn đoàn tụ. Nay nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh L nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L chung sống có 02 (hai) con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 22/5/2011 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18/7/2012. Cháu H sống với chị, cháu Đ sống với anh L. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, đồng ý giao cháu Đ cho anh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị Tr, chị và anh L không có nợ chung.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích Tr.*

** Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng là bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà là mẹ ruột của anh L, hiện anh L và cháu Đ đang sống với bà. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã giao tận tay cho anh L. Về hôn nhân giữa anh L và chị Tr thì bà N cho biết, sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với bà cho đến năm 2013 thì chị về nhà mẹ đẻ sống và để lại cháu Đ cho bà và anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Theo bà nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh L thường xuyên uống rượu say. Từ năm 2013 đến nay anh chị không còn chung sống, không quan tâm đến nhau, thỉnh thoảng chị Tr có về thăm cháu Đ và gửi tiền để bà chi phí cho cháu Đ. Bà đã khuyên chị Tr quay về đoàn tụ gia đình nhưng chị Tr cương quyết không đồng ý.

** Quá trình giải quyết vụ án các con chung của chị Tr, anh L trình bày ý kiến:*

Cháu Nguyễn Ngọc Gia H trình bày: Hiện cháu học lớp 2E, trường tiểu học Chu Văn An tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Cháu đang sống với mẹ và có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ

Cháu Nguyễn Thành Đ trình bày: Hiện cháu học lớp 2B trường tiểu học Quang Trung, tại xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Cháu đang sống chung với ba và bà nội, cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với ba.

** Theo biên bản xác minh ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị Tr và anh L, được thực hiện tại nơi cư trú của các đương sự, thể hiện:* Khoảng 02 năm trở lại đây chị Tr không ở tại ấp Nn, xã Q, còn anh L thì đi làm ở Biên Hòa. Cháu Đ là con chung thứ hai của chị Tr và anh L đang ở chung với bà nội của cháu là bà Nguyễn Thị N tại

nhà số H2/056 ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Tr và anh L cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết tranh chấp, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr; giao con chung cháu H cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng không đặt ra xem xét do đương sự chưa yêu cầu; Về chia tài sản không đặt ra xem xét; Chị Tr phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Tr khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Tr, anh L đã tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2011, có đăng ký kết hôn, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân giữa chị Tr và L là hợp pháp. Ngày 13/5/2019 chị Tr có đơn xin ly hôn với anh L, tại thời điểm yêu cầu ly hôn thì Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực. Do đó cần áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 làm căn cứ xem xét, giải quyết yêu cầu của chị Tr.

[2.2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh L không đến Tòa án làm việc cũng như không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả xác minh, lời khai của chị Tr, người làm chứng, đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống giữa chị Tr và anh L có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh L thường uống rượu say, không chuyên tâm lo cho gia đình. Từ năm 2013 cho đến nay vợ chồng không còn chung sống, không ai thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập anh L đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ theo quy định nhưng anh L không đến Tòa án, qua đó thể hiện việc anh L không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị Tr. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị Tr và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tr, cho ly hôn giữa chị Tr và anh L.

[2.3] Quá trình chung sống chị Tr và anh L có 02 (hai) con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 22/5/2011 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18/7/2012. Xét yêu cầu của chị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và giao cháu Đ cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng thì thấy: Cháu H hiện sống với chị Tr, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu Đ đang sống với anh L, cháu có nguyện vọng được ở với ba. Các cháu hiện đang được đến trường theo đúng độ tuổi do đó việc tiếp tục duy trì cuộc sống ổn định của các cháu là cần thiết, bảo vệ được quyền lợi về mọi mặt cũng như phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giao cháu H cho chị Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] Tòa án đã giải thích pháp luật về quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên chị Tr không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và khai báo vợ chồng không có nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[3] Chị Tr là nguyên đơn trong vụ án này nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11, 12, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 8, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83, 84, 110, 116 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích Tr về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với bị đơn anh Nguyễn Văn L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích Tr và anh Nguyễn Văn L.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày: 22/5/2011 cho chị Nguyễn Thị Bích Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục…

2.2 Giao con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày: 18/7/2012 cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục….

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr, anh L không có yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con…).

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Nguyễn Thị Bích Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 001905 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tr được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Thống Nhất;
- CC.THADS H. Thống Nhất;
- UBND xã Q, H. Thống Nhất (số 237, ngày 05/12/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Nga